

Số: 917/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 05 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 853/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Nguyệt A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1964

Địa chỉ: đường E, Phường F, quận G, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Nguyệt A và ông Trần Thanh P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Nguyệt A và ông Trần Thanh P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 2 con chung tên Trần Quang H, sinh ngày 20/9/1995 (đã thành niên) và Trần Nhật H1, sinh ngày 22/02/2010. Giao con chung tên Trần Nhật H1, sinh ngày 22/02/2010 cho bà Trương Thị Nguyệt A trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Trần Quang H, sinh ngày 20/9/1995 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Thanh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực đến khi con chung thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị Nguyệt A đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Thanh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có

2.5. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Nguyệt A tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0068398 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà A được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu trên.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do ông Trần Thanh P chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/1994, quyền số 01 ngày 5/5/1994);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Trần Ái Vy